

Tam Bảo

三寶

Tiratana – Triratna

Three Jewels – Trois Joyaux

(2026)

Nội dung

1. Tổng quan về Tam bảo.

1.1. Ý nghĩa của Tam bảo.

Tam bảo (三寶; P: Ratanattaya, Tiratana; S: Ratnatraya, Triratna; E: Triple Gems, Three Jewels).

- 1) Phật bảo (佛寶; P: Buddha-ratana; S: Buddha-ratna; E: Buddha Jewel).
- 2) Pháp bảo (法寶; P: Dhamma-ratana; S: Dharma-ratna; E: Dharma Jewel)
- 3) Tăng bảo (僧寶; P: Saṅgha-ratana; S: Saṃgha-ratna; E: The Sangha Jewel)

1.2. Biểu tượng của Tam bảo.

2. Tam bảo trong Phật giáo Nguyên thủy.

- Tam bảo = Chân lý Duyên khởi.

- Ân đức (恩德; P;S: Guṇa; E: Virtue; F: Vertu): Là đức tính, phẩm hạnh phẩm chất.

Ân đức Tam bảo (三寶恩德; P: Ratanattaya-guṇa, Tiratana-guṇa; S: Ratnatraya-guṇa, ...)

2.1. Ân đức Phật bảo (佛寶恩德; P;S: Buddha-guṇa; E: Buddha's Virtues)

2.2. Ân đức Pháp bảo (法寶恩德; P: Dhamma-guṇa; S: Dharma-guṇa; E: Virtues of the ...)

2.3. Ân đức Tăng bảo (僧寶恩德; P: Saṅgha-guṇa; S: Saṃgha-guṇa; E: Virtues of the ...)

3. Tam bảo trong Phật giáo Phát triển.

Tam bảo = Chân lý tự Duyên khởi.

2.1. Đồng thể Tam bảo (同體三寶; P: Sabhāva-tiratana; S: Svabhāva-triratna; E: ...).

2.2. Biệt thể Tam bảo (別體三寶; P: Visesa-ratanattaya; S: Viśeṣa-ratnatraya; E: ...).

2.3. Trụ trì Tam bảo (住持三寶; P: Sammuti-ratana; S: Sthapita-ratnatraya; E: ...).

2.4. Lý quy y Tam bảo.

2.5- Sự quy y Tam bảo.

4. Những lợi ích khi thân cận với Tam bảo.

- 1) Một là **hy hữu** 希有
- 2) Hai là **ly cấu** 離垢
- 3) Ba là **thế lực** 勢力
- 4) Bốn là **trang nghiêm** 莊嚴
- 5) Năm là **tôi thắng** 最勝
- 6) Sáu là **bất biến** 不變

Bài đọc thêm

1. Duyên khởi tính – Không tính – Phật tính

2. Tứ trọng ân.

3. Tam quy – Ngũ giới nơi người Phật tử.

NBS: Minh Tâm (10/2018; 11/22; 2/26)



1. Tổng quan về Tam bảo.



[Refuge in Buddhism - Wikipedia](#)

[Tam bảo – Wikipedia tiếng Việt](#)

1.1. Ý nghĩa của Tam bảo.

Tam bảo (三寶; P: Ratanattaya, Tiratana; S: Ratnatraya, Tiratna; E: Triple Gems, Three Jewels; F: Triple Joyau; Trois Joyaux)

Tam bảo gồm có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo còn được gọi là Ba viên ngọc, Ba kho Báu, đại diện cho ba trụ cột của Phật giáo. Tam bảo được xem là ba cơ sở quý giá nhất, tượng trưng cho nền tảng của Phật giáo mà người Phật tử cần nương tựa để tìm cầu sự giải thoát và an lạc.

1) Phật bảo (佛寶; P: Buddha-ratana; S: Buddha-ratna; E: Buddha Jewel; F: Le Joyau du Bouddha): Đó là đức Phật, bậc giác ngộ chân lý khách quan và tự nhiên của vũ trụ – chân lý Duyên khởi. Chân lý này không do đức Phật chế tác, mà được đức Phật khám phá ra trong tự nhiên và thấy biết rõ, đồng thời là người hướng dẫn, soi sáng và đóng vai trò là người thầy dẫn dắt thành công.

Phật bảo chỉ cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni – bậc toàn giác và chỉ chung cho chư Phật mười phương đã tự mình giác ngộ và dẫn dắt chúng sinh thoát khổ.

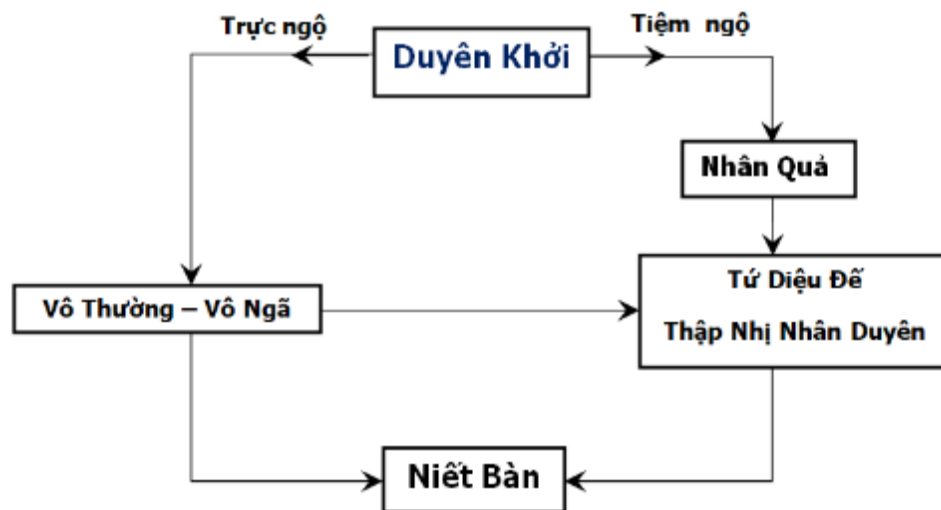
2) Pháp bảo (法寶; P: Dhamma-ratana; S: Dharma-ratna; E: Dharma Jewel;

F: Le Joyau du Dharma): Đó là chân lý Duyên khởi, là toàn bộ giáo lý của Đức Phật bao gồm chân lý Duyên khởi và các hệ quả từ chân lý này như Vô ngã, Vô thường, Nhân Quả, Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, 37 Phẩm trợ đạo và đạo đức Duyên khởi. Đó là con đường dẫn đến giác ngộ chân lý về bản chất của vạn vật và đời sống của con người.

3) Tăng bảo (僧寶; P: Sangha-ratana; S: Saṃgha-ratna; E: The Sangha

Jewel; F: Le Joyau du Sangha): Đó là những hành giả đạt được giác ngộ như Phật sau khi thực hành đúng đắn chân lý khách quan Duyên khởi này.

Tăng bảo còn có ý nghĩa hơn là chỉ cộng đồng những người tu hành giữ giới hạnh, nương tựa Pháp bảo tu học.



“Duyên khởi” là chân lý tự nhiên và khách quan

Tam bảo với ba yếu tố căn bản Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo minh định rằng chân lý Duyên khởi nơi đạo Phật là **chân lý khách quan**. Chân lý khách quan và tự nhiên **Duyên khởi** của vũ trụ nơi đạo Phật được gọi là **Chân đế** [真諦 – (chân: thật, không hư vọng, đế: lý thật, lẽ thật); P: Paramattha-sacca; S: Paramārtha-satya; E: Ultimate truth; F: Vérité ultime], đó là lẽ thật, hiện thực và tự nhiên, luôn vận hành chi phối nơi mọi sự vật trong vũ trụ.

- Nói Tam bảo là chân lý khách quan (真理客觀; E: objective truth) là nhằm để tránh nhầm lẫn với loại **chân lý chủ quan** (真理主觀; E: subjective truth) là thứ chân lý áp đặt, thiếu thực tế minh chứng mà chúng ta thường hay gặp phải ở các tổ chức chính trị và tôn giáo khi nói về chân lý (= lẽ thật).

Thật vậy, đức **Phật** là bậc khám phá ra **Pháp** (= Chân lý), và **Tăng** là những vị đã quán triệt và thực hành chân lý này, đều đạt tới nội tâm giải thoát - nội tâm tự do đích thực, không dính mắc, tựa như nhà khoa học khám phá ra định luật vật lý nào đó được kiểm chứng và ứng dụng thực tế, thì định luật này mới được công nhận và phổ biến, bằng không sự kiện này không thể xem là sự thật được. Do đó, có thể thấy rằng cấu trúc “Tam bảo” đã thể hiện tính chặt chẽ và trong sáng, với đầy đủ tính khoa học nơi chính nó.

- Nói là **Quy y Tam bảo** (= Tam quy y; 歸依三寶; P: Ti-sarana; S: Trisāraṇa; E: Refuge in the Three Jewels; F: Prendre refuge dans les Trois Joyaux) là chỉ cho người nương tựa vào chân lý khách quan này để tu tập.

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn nói rằng, khi hành giả nhận thức vững vàng Tam bảo thì được gọi là bậc Dự lưu (bước vào dòng Thánh).

- Nói là **Hồng ân Tam bảo** (Ơn lớn của Tam bảo; 洪恩三寶) là cách nói chủ thể hóa chân lý khách quan tự nhiên này, giúp hành giả đạt tới hạnh phúc cao thượng đích thực. Vì rằng những ai hiểu thấu và thực hành sống theo nhận thức chân lý này, thì hạnh phúc đạt được là điều tự nhiên, chứ hạnh phúc không do cầu xin ân sủng của Thượng đế hay của một thế lực ảo tưởng nào đó ban cho (Xin xem bài đọc thêm “Tứ trọng ân” bên dưới).

- Nói là **Hộ trì Tam bảo** (護持三寶; P: Ratanattaya-pāla; S: Ratnatraya-pālana; E: Supporting the Three Jewels.; F: Protéger les Trois Joyaux) là việc người Phật tử phát tâm che chở, bảo vệ và giữ gìn ba ngôi báu (Phật - Pháp - Tăng) thông qua việc cúng dường, tu tập, và hoằng dương chánh pháp, giúp Phật pháp trường tồn. Tu tập tự thân là cốt lõi của việc hộ trì, bằng cách giữ thân tâm được trong sạch.



1.2. Biểu tượng của Tam bảo.

Biểu tượng của Tam bảo được thể hiện theo nhiều cách khác nhau trong các nền văn hóa Phật giáo.

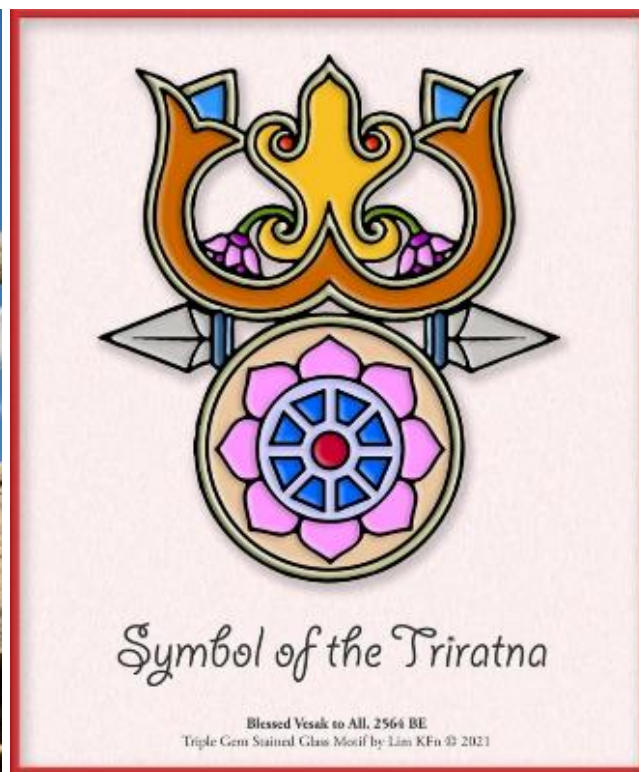






Biểu tượng Tam bảo bằng 3 bánh xe

- Hình ảnh biểu tượng Tam bảo ở Ấn Độ thời cổ đại là ba bánh xe thường phổ biến từ thời vua Ashoka (thế kỷ III TCN).



The central spine between the fish is a parallelogram - which is always four in numbers - that represents the four fold assembly of the monks, nuns, layman and laywomen.

Wings of trident on the left and right are symbols of two golden fishes, representing the rivers Yamuna and Ganga, the two holiest rivers in India.

A trident with three branches, representing the threefold jewels of Buddhism: Buddha, the Dharma and the Sangha.



Trisula
(Trident)

Vajra
(Diamond rod)

Dhamma cakra
(Dharma wheel)

Lotus flower within a circle which declares the Buddha's unsoiled purity

Dhamma Wheel, representing the Noble Eight Fold Path



Biểu tượng Tam bảo ở cổng của Đại Tháp Sanchi

- Hình ảnh biểu tượng Tam bảo ở Ấn Độ thời cổ đại là "Triratna", có từ thời vua Ashoka (thế kỷ III TCN). "Triratna" có thể được nhìn thấy trên nhiều đồng tiền cổ và tượng đá như ở trang trí cổng của Đại Tháp Sanchi.

- Cây đinh ba (P: tisūla; S: trisūla; E: trident) tượng trưng cho Tam bảo của Phật giáo Phật , Pháp và Tăng (tương đương với 3 bánh xe).

- Gậy kim cương (P: vajira; S: vajra; E: diamond rod) tượng trưng cho sức mạnh trí tuệ và sự thấu hiểu.

- Hoa sen nằm trong một vòng tròn (P: Dhamma-cakra; S: ; Dharma-chakra E: Dhamma wheel) tượng trưng cho bánh xe Pháp thanh tịnh hoặc Bát Chánh Đạo.



Biểu tượng Tam bảo bằng ba viên ngọc

- Hình ảnh biểu tượng Tam bảo là ba viên ngọc nằm trên một đóa hoa sen. Ba viên ngọc tượng trưng cho Phật (Vàng), Pháp (Xanh dương), và Tăng (Đỏ).



Biểu tượng Tam bảo của Phật giáo Tây Tạng (Phật giáo Kim Cương thừa)



Biểu tượng Tam bảo trên các mái chùa

- Hình ảnh biểu tượng Tam bảo là ba vòng tròn nhỏ bên trong một vòng tròn lớn hơn được vẽ trên mái của các ngôi chùa Phật giáo ở Nhật Bản và Hàn Quốc.



- Hình ảnh biểu tượng Tam bảo trên dấu chân Phật (biểu tượng phía dưới, biểu tượng phía trên là một bánh xe pháp luân). Thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên, Gandhara.



2. Tam bảo trong Phật giáo Nguyên thủy.

Trong Phật giáo Nam truyền, Tam bảo ngoài ý nghĩa là “Chân lý” mà hành giả cần nương tựa nêu trên (mục 1.), tiếp tục trình bày về **Ân đức Tam bảo** (三寶恩德; P: Ratanattaya-guṇa, Tiratana-guṇa; S: Ratnatraya-guṇa, Tiratna-guṇa; E: The Virtues of the Triple Gem/Three Jewels; F: Les vertus des Trois Joyaux) là những phẩm chất cao thượng của ba ngôi báu: Phật bảo, Pháp bảo, và Tăng bảo.

Ân đức (恩德; P;S: Guṇa; E: Virtue; F: Vertu): Là đức tính, phẩm hạnh phẩm chất, công đức hoặc thuộc tính. Thường dùng để tôn vinh phẩm hạnh cao quý của Phật, Pháp, Tăng. Tổng cộng có 24 ân đức cốt lõi thường được các Phật tử tụng niệm hàng ngày để tăng trưởng niềm tin và dùng làm đề mục trong thiền.

2.1. Ân đức Phật bảo (佛寶恩德; P;S: Buddha-guṇa; E: Buddha's Virtues; F: Vertus du Bouddha): Là những phẩm hạnh cao thượng, năng lực và đức độ siêu việt của một Bậc giác ngộ. Có 9 Ân đức là 9 danh hiệu tương ứng với các phẩm chất đặc biệt của đức Phật:

Kệ tụng:

Itipi so Bhagavā: *Araṃ, Sammā-sambuddho, Vijjā-carāṇa-sampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisa-damma-sārathi, Satthā deva-manussānaṃ, Buddhō, Bhagavāti.* * Như thế ấy, Đức Thế Tôn là:

1. **Araṃ** (Ứng Cúng): Bậc thanh tịnh, đã đoạn tận phiền não, xứng đáng được cúng dường.

2. **Sammāsambuddho** (Chánh Biến Tri): Bậc tự mình chứng ngộ chân lý Duyên khởi (bao gồm các hệ quả Nhân Quả, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, ...)

3. **Vijjācarāṇasampanno** (Minh Hạnh Túc): Bậc có đủ trí tuệ và đạo đức vẹn toàn.

4. **Sugato** (Thiện Thệ): Bậc khéo đi đến Niết-bàn, thuyết lời chân chính.

5. **Lokavidū** (Thế Gian Giải): Bậc thấu suốt mọi thế giới (chúng sinh, cõi, pháp hành).

6. **Anuttaro purisadammasārathi** (Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu): Bạc thầy huấn luyện những kẻ đáng được giáo hóa không ai bằng.

7. **Satthādevamanussānam** (Thiên Nhân Sư): Bạc thầy của chư Thiên và loài người.

8. **Buddho** (Phật): Bạc giác ngộ và truyền bá chân lý.

9. **Bhagavā** (Thế Tôn): Bạc hữu phúc, tôn quý nhất trong thế gian.



2.2. Ân đức Pháp bảo (法寶恩德; P: Dhamma-guṇa; S: Dharma-guṇa; E: Virtues of the Dhamma; F: Vertus du Dharma): Là những đặc tính cao thượng của giáo pháp do đức Phật thuyết giảng. Có 6 đặc tính vi diệu:

Kệ tụng:

Svākkhāto bhagavatā dhammo, sandiṭṭhiko, akāliko, ehipassiko, opanayiko, paccattam veditabbo viññūhī * Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy, hướng tâm, trí giả tự mình nhận thức:

1. **Svākkhāto** (Khéo thuyết): Giáo pháp được đức Phật thuyết giảng một cách trọn vẹn, không lỗi lầm, toàn hảo ở đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối.

2. **Sandiṭṭhiko** (Thiết thực hiện tại): Giáo pháp được đức Phật thuyết giảng có thể tự mình thực hành và trải nghiệm kết quả ngay trong kiếp sống này.

3. **Akāliko** (Không thời gian): Giáo pháp được đức Phật thuyết giảng không bị thời gian chi phối, luôn đúng trong mọi thời đại.

4. **Ehipassiko** (Đến để mà thấy): Giáo pháp được đức Phật thuyết giảng có khả năng mời gọi mọi người đến chứng nghiệm.

5. **Opanayiko** (Hướng thượng): Giáo pháp được đức Phật thuyết giảng có khả năng dẫn dắt hành giả đến đích giải thoát.

6. **Paccattam veditabbo viññūhi** (Bậc trí tự mình chứng biết): Giáo pháp được đức Phật thuyết giảng có thể được các bậc trí tuệ tự thân cảm nhận, chứng nghiệm, thông suốt.



2.3. Ân đức Tăng bảo (僧寶恩德; P: Saṅgha-guṇa; S: Saṃgha-guṇa; E: Virtues of the Sangha; F: Vertus du Sangha): Là lòng tôn kính và các phẩm hạnh cao quý của cộng đồng tăng sĩ. Tăng đoàn (từ bậc Thánh Tăng) sở hữu 9 phẩm hạnh cao quý:

Kệ tụng:

*Supaṭipanno Bhagavato sāvakaśaṅgho,
Ujupaṭipanno Bhagavato sāvakaśaṅgho,
Ñāyapaṭipanno Bhagavato sāvakaśaṅgho,
Sāmicipaṭipanno Bhagavato sāvakaśaṅgho,
Yadidaṃ cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā,
Esa Bhagavato sāvakaśaṅgho,
Āhuneyyo pāhuneyyo dakkhiṇeyyo añjalikaraṇiyo,
Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassā'ti.*

1. **Supaṭipanno** (Thiện hạnh): Tăng chúng đệ tử của đức Thế Tôn đã khéo thực hành đúng theo giáo huấn của Phật.
2. **Ujupaṭipanno** (Trực hạnh): Tăng chúng đệ tử của đức Thế Tôn đã khéo thực hành trung thực, ngay thẳng theo Trung đạo.
3. **Ñāyappaṭipanno** (Như lý hạnh): Tăng chúng đệ tử của đức Thế Tôn đã khéo thực hành theo chân lý hướng đến Niết-bàn.
4. **Sāmicippaṭipanno** (Chân chánh hạnh): Tăng chúng đệ tử của đức Thế Tôn đã khéo thực hành đúng đắn, xứng đáng được tôn kính.

5. **Āhuneyyo**: Tăng chúng đệ tử của đức Thế Tôn xứng đáng được thọ nhận vật phẩm dâng cúng.

6. **Pāhuneyyo**: Tăng chúng đệ tử của đức Thế Tôn xứng đáng được tiếp đón như khách quý.

7. **Dakkhiṇeyyo**: Tăng chúng đệ tử của đức Thế Tôn xứng đáng được thọ nhận tài vật cúng thí để người thí có phước.

8. **Añjalikaraniyo**: Tăng chúng đệ tử của đức Thế Tôn xứng đáng được mọi người chấp tay đánh lễ.

9. **Anuttaram puññakkhettaṃ lokassa**: Tăng chúng đệ tử của đức Thế Tôn là phước điền vô thượng của thế gian.



2.4. Thực hành niệm Ân đức Tam bảo.

Thực hành niệm Ân đức Tam Bảo không chỉ là nghi thức tụng niệm mà là một đề mục thiền (P: kammaṭṭhāna) quan trọng để nuôi dưỡng chánh niệm trong đời sống hằng ngày.

1) Nội dung thực hành:

Hành giả tập trung tâm trí vào các phẩm tính cao quý của Phật, Pháp, Tăng thông qua các bài kinh Pāli truyền thống:

1. **Niệm Ân đức Phật bảo** (P: Buddhānussati): Suy xét về 9 Ân đức của Đức Phật (bài kinh Itipi so), bao gồm các đức tính như Ứng Cúng (P: Arahamaṃ), Chánh Biến Tri (P: Sammāsambuddho), Minh Hạnh Túc (P: Vijjācaraṇasampanno),... giúp tâm hướng về sự sáng suốt và thanh tịnh.

2. **Niệm Ân đức Pháp bảo** (P: Dhammānussati): Suy xét về 6 Ân đức của Giáo pháp, như Pháp được khéo thuyết giảng (Svākkhāto), thiết thực hiện tại (Sandiṭṭhiko), đến để mà thấy (Ehipassiko),... giúp củng cố niềm tin vào chân lý.

3. Niệm Ân đức Tăng bảo (P: Saṅghānussati): Suy xét về 9 Ân đức của chúng đệ tử Thế Tôn, những bậc thiện hạnh, trực hạnh và là phước điền vô thượng của thế gian.

2) Cách thực hành hằng ngày.

Tụng niệm đều đặn: Phật tử thường tụng các bài ân đức này vào mỗi sáng sớm và tối trước khi đi ngủ để giữ tâm an bình.

- Ứng dụng trong nghịch cảnh: Khi gặp sợ hãi, lo âu hoặc nguy hiểm, hành giả được khuyên nên niệm ân đức Tam Bảo để tâm trở nên ổn định và dũng cảm (theo kinh Dhajagga Sutta).

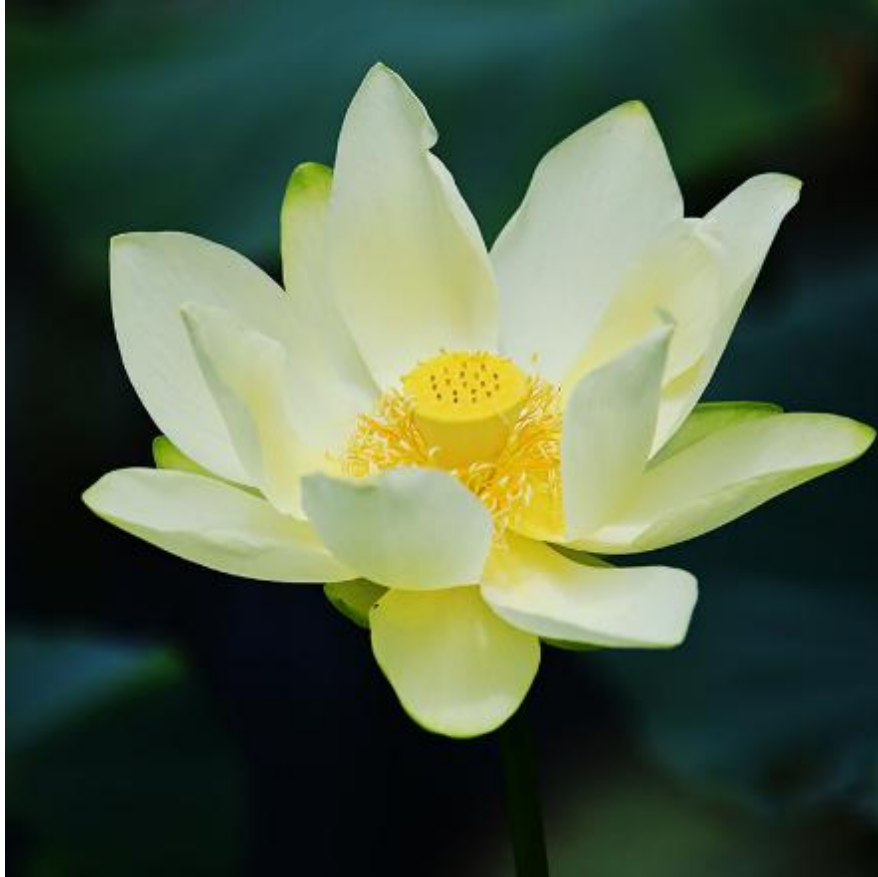
- Tư duy và quán chiếu: Không chỉ đọc thuộc lòng danh hiệu, hành giả cần hiểu rõ ý nghĩa từng chi pháp để đại thiện tâm phát sinh, giúp giảm bớt tham, sân, si.

3) Lợi ích của việc thực hành.

- Định tâm: Giúp tâm không tán loạn, tạo nền tảng vững chắc cho thiền Tuệ (Vipassana).

- Tăng trưởng lòng tin: Xây dựng niềm tin nơi Tam Bảo, giúp hành giả sống đạo hạnh và tỉnh thức.

- Phước báu: Việc thường xuyên nhớ nghĩ đến những điều cao thượng giúp gieo trồng nhân lành, mang lại sự an lạc và bảo hộ trong cuộc sống.



3. Tam bảo trong Phật giáo Phát triển.

Trong Phật giáo Phát triển, Tam bảo ngoài ý nghĩa là “Chân lý” mà hành giả cần nương tựa nêu trên (mục 1.), hơn nữa các hành giả được hướng dẫn cách nhận thức Tam bảo theo bản chất qua ba bậc sau:

- | | | |
|---------------------|-----|------------------------|
| 1) Đồng thể Tam bảo | hay | Nhất thể Tam bảo. |
| 2) Biệt thể Tam bảo | hay | Xuất thể gian Tam bảo. |
| 3) Trụ trì Tam bảo | hay | Thể gian Tam bảo. |

Đồng thể Tam bảo thuộc lý, Biệt thể Tam bảo và Trụ Trì Tam bảo thuộc sự.

- **Lý** 理 là bên trong (nội tâm, thuộc tính), mang ý nghĩa về giải thoát – tức tự do nội tâm từ việc giác ngộ, là thấy biết rõ thực tính, thực tướng của vạn sự vật.

- **Sự** 事 là bên ngoài (ngoại cảnh, thuộc tướng), mang ý nghĩa về hoằng pháp và hộ pháp.

3.1. Đồng thể Tam bảo (同體三寶; P: Sabhāva-tiratana; S: Svabhāva-triratna; E: Three Jewels in Essence; F: Les Trois Joyaux en Essence).



Đồng thể Tam bảo gồm có 3 phần:

1- **Đồng thể Phật bảo**: Là chỉ cho tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tính **thông tuệ** (聰慧: sáng suốt). Đó là thông suốt:

Duyên khởi tính = Không tính = Phật tính

[Xin xem bài đọc thêm]

2- **Đồng thể Pháp bảo**: Là chỉ cho tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tính **bình đẳng** (平等: không sai biệt)

3- **Đồng thể Tăng bảo**: Là chỉ cho tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh **thanh tịnh** (清淨: sạch lặn).

Như thế, Đồng thể Tam bảo được xem như là cách chi tiết hóa vũ trụ quan, tuy phân ra ba nhưng chỉ từ một, đó là từ chân lý Duyên khởi.



3.2. Biệt thể Tam bảo (別體三寶; P: Visesa-ratanattaya; S: Viśeṣa-ratnatraya; E: Different Aspects of the Three Jewels; F: Les Trois Joyaux sous leurs aspects distincts).



Biệt thể Tam bảo (còn gọi là Biệt tướng Tam bảo) dùng để chỉ ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng xét ở phương diện hình tướng và tính chất riêng biệt, khác nhau của mỗi ngôi. Biệt thể Tam bảo nhấn mạnh sự phân biệt ngôi thứ và vai trò giáo hóa:

1- **Biệt thể Phật bảo:** Là chỉ cho chư Phật trong mười phương ba đời, đã tự giải thoát ra khỏi sự trói buộc của thế gian nhờ vào pháp Duyên khởi.

2- **Biệt thể Pháp bảo:** Là chỉ cho Chánh pháp của Phật, có công năng giúp cho chúng sanh giải thoát khỏi sự trói buộc của thế gian nhờ vào pháp Duyên khởi với các hệ luận Vô thường, Vô ngã, Nhân-Quả.

3- **Biệt thể Tăng bảo:** Là chỉ cho các vị Thánh-Tăng đã giải thoát ra khỏi sự trói buộc của thế gian như các vị A-la-hán hay Bồ-tát nhờ vào pháp Duyên khởi.

Như thế, Biệt thể Tam bảo được xem như là cách chi tiết hóa nhân sinh quan, tuy phân ra ba nhưng chỉ từ một, đó là từ chân lý Duyên khởi xem như một phương tiện tu tập.

Chú thích:

Trong đạo Phật, khái niệm **Xuất thế gian Tam bảo** (出世間三寶; P: Lokuttara-ratana; S: Lokottara-triratna; E: Supramundane Three Jewels; F: Les Trois Joyaux Supramondains) là Ba ngôi báu vượt ra khỏi thế gian.

1. **Xuất thế gian Phật bảo**: Chỉ các Đức Phật đã tự giải thoát khỏi luân hồi (như Phật Thích Ca, Phật Di Đà...).
2. **Xuất thế gian Pháp bảo**: Chỉ giáo pháp giúp chúng sinh giải thoát (Tứ diệu đế, Bát chánh đạo...).
3. **Xuất thế gian Tăng bảo**: Chỉ các bậc Thánh Tăng đã chứng đắc quả vị (như các vị A-la-hán, Bồ-tát...).

Bảng so sánh tóm tắt

Tiêu chí	Biệt thế Tam bảo	Xuất thế gian Tam bảo
Trọng tâm	Nhấn mạnh sự sai khác về tướng trạng và ngôi thứ.	Nhấn mạnh công năng giải thoát khỏi thế gian.
Phân loại	Dựa trên hình thức và vai trò giáo hóa.	Dựa trên bản thể thanh tịnh và chứng ngộ.
Tên gọi khác	Biệt tướng Tam bảo, Giai thể Tam bảo. - " Giai thể " (階梯) có nghĩa là bậc thang. Cách gọi này ám chỉ sự phân chia ngôi thứ, cấp bậc theo thứ tự từ trên xuống dưới trong quá trình giáo hóa: Phật bảo ở bậc trên cùng, Pháp bảo ở giữa và Tăng bảo ở bậc dưới. - " Biệt tướng " (別相): Có nghĩa là ba ngôi báu này có hình tướng và bản chất riêng biệt, không giống nhau	Thuộc hệ thống 3 bậc: Đồng thể, Xuất thế, Trụ trì.



3.3. Trụ trì Tam bảo (住持三寶; P: Sammuti-ratana; S: Sthapita-ratnatraya; E: Established Three Jewels; F: Trois Joyaux établis).



Trụ trì Tam bảo gồm có 3 phần:

1- **Trụ trì Phật bảo:** Là chỉ cho Chùa hay Tu viện. Các hình thức Ngọc xá-lợi, tượng Phật đúc bằng kim khí hay chạm trổ bằng danh mộc, đắp bằng xi măng, thêu bằng vải, hay vẽ trên giấy là những trang trí đặc trưng cho môi trường tu Phật.

2- **Trụ trì Pháp bảo:** Là chỉ cho ba tạng giáo điển: Kinh, Luật, Luận viết hay in trên giấy hay trên vải, trên lá buông v.v...hiện có.

3- **Trụ trì Tăng bảo:** Là chỉ cho các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni tu hành chân chánh, đạo đức trong sạch, giới luật trang nghiêm trong hiện tại.

Như thế, Trụ trì Tam bảo được xem như là hình thức tổ chức tu học Phật mang tính khoa học. Trụ trì Tam bảo khác với "Hiện tiền Tam bảo" thời đức Phật còn tại thế.



3.4- Lý quy y Tam bảo.



Thực hành lý quy y Tam bảo còn gọi là tự quy y Tam bảo có 3 nội dung sau:

1- **Tự quy y Phật:** Đó là thấy ra thể tính sáng suốt, đó là Duyên khởi tính (tức Không tính hay Phật tính) nơi chính các pháp (vạn sự vật). Đó là tự quy y Phật.

2- **Tự quy y Pháp:** Đó là thấy ra thể tính bình đẳng nơi chính các pháp theo Duyên khởi tính. Đó là tự quy y Pháp.

3- **Tự quy y Tăng:** Đó là thấy ra thể tính thanh tịnh nơi chính các pháp theo Duyên khởi tính. Đó là tự quy y Tăng.

Như thế, Tự quy y Tam bảo là nội dung nói lên sự thành tựu về chuyển hóa nội tâm của hành giả từ mê sang ngộ sau quá trình tu học.



3.5. Sự quy y Tam bảo.



Thực hành sự quy y Tam bảo có 3 nội dung sau:

1- **Sự quy y Phật:** Đó là hằng ngày nghĩ đến Phật, niệm danh hiệu Phật, chiêm ngưỡng Phật tượng. Đó là sự quy y Phật.

2- **Sự quy y Pháp:** Đó là hằng ngày tụng đọc Kinh, Luật, Luận; tìm hiểu nghĩa lý thâm huyền của Pháp. Đó là sự quy y Pháp.

3- **Sự quy y Tăng:** Đó là hằng ngày khi thấy người chân chính tu hành, giữ gìn giới luật, thì tỏ lòng trọng kính, xem như đó là vị đại diện cho đức Phật. Đó là sự quy y Tăng.

Như thế, Sự quy y Tam bảo gồm thờ Phật, tụng Kinh, giữ Giới, nghiên cứu Phật pháp, kính trọng Tăng già chân chính, là hình thức và nội dung của người tu học Phật như thường thấy hiện nay.

4. Những lợi ích khi thân cận với Tam bảo.



Chân lý tự nhiên khách quan “Duyên khởi” vì diệu của nhà Phật với đặc trưng Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng), như ba viên ngọc quý bởi 6 ý nghĩa sau:

1. Một là **hy hữu** 希有 (**hy** 希: ít, hiếm; **hữu** 有: có), tức là hiếm có, khó được, ví như ngọc quý ... người nghèo khó có được. Tam bảo cũng vậy, dù người ở cạnh sát bên chùa nhưng thiếu duyên phước cũng khó gặp, không thể thân cận với Tam bảo.

2. Hai là **ly cấu** 離垢 (**ly** 離: lìa, tan, cách, chia lìa; **cấu** 垢: cấu bẩn, nhơ nhuốc), tức lìa xa những việc bất thiện, ví như ngọc quý trong sáng, đẹp không tỳ vết, vấy bẩn. Tam bảo, cũng vậy Duyên khởi tự xa lìa các xấu ác.

3. Ba là **thế lực** 勢力 (**thế** 勢: quyền, sức; **lực** 力: khỏe, mạnh, tức có tiềm năng khắc phục các trở lực, ví như ngọc quý có giá trị vật chất lớn giúp người vượt qua khó khăn trong đời sống. Tam bảo cũng vậy, Duyên khởi có đủ năng lực hóa giải mọi phiền não của thế gian (Lậu tận thông).

4. Bốn là **trang nghiêm** 莊嚴 (**trang** 莊: đứng đắn; **ng nghiêm** 嚴: chỉnh tề), tức vẻ đứng đắn khiến người kính cẩn, ví như ngọc quý ở thế gian làm đồ trang sức làm cho thân trở nên xinh đẹp ai cũng muốn ngắm nhìn. Tam Bảo cũng vậy, Duyên khởi giúp hành giả làm chủ bản thân, tâm trí sáng suốt, thanh tịnh, làm việc chân chánh.

5. Năm là **tối thắng** 最勝 (**tối** 最: rất, cực kỳ; **thắng** 勝: tốt đẹp) tức lợi ích cao nhất, ví như ngọc quý quý hơn tất cả mọi vật ở thế gian. Tam Bảo cũng vậy, Duyên khởi

đem lại lợi ích hơn hết, đó là giúp hành giả vượt qua mọi nỗi khổ, niềm đau, sống được an vui, hạnh phúc.

6. Sáu là **bất biến** 不變 (**bất** 不: không, chẳng; **biến** 變: thay đổi, biến đổi), tức không thay đổi, ví như ngọc quý kim cương đẹp và cứng vững so với các vật thể khác. Tam Bảo cũng vậy, Duyên khởi là quy luật tự nhiên khách quan muôn đời, nên hành giả thực hành sống với Tam bảo tất được chân hạnh phúc bền vững không gì chi phối được.

Như vậy, thân cận với Tam bảo qua quy y và thực hành chân chánh, chính là đang nương tựa và sống theo chân lý khách quan tự nhiên của vũ trụ, là đang sống trên con đường giác ngộ-giải thoát vậy.



Bài đọc thêm:

1. Duyên khởi tính – Không tính – Phật tính.

Chữ tính = tánh (性; E: property): Có ý nghĩa là tính chất, đặc tính. Theo đó:

1) Duyên khởi tính (緣起性; P: Paṭicca-samuppāda; S: Pratītya-samutpāda;

E: Dependent origination, Dependent arising) - [Duyên khởi – Wikipedia tiếng Việt](#):

Đó là tính chất hợp-tan, sinh-diệt của vạn sự vật trong vũ trụ. Vạn sự vạn vật biểu hiện sự cấu thành từ các yếu tố - gọi là Duyên, nên không có thực thể (Vô ngã), và sự tương tác của các yếu tố cấu thành này (Duyên) gây nên sự biến đổi (Vô thường).

Duyên khởi chỉ ra rằng vũ trụ vạn vật do những yếu tố và điều kiện tương tác sinh sinh hóa hóa, in tuồng như có-như không, chứ không là thực có-thực không. Do thấu suốt các pháp (sự vật) không thực, hành giả tự nhiên không chấp thủ, điều này đồng nghĩa với phiền não tự đoạn diệt.

Trong Phẩm Nhân Duyên thuộc Trung Luận của ngài Long Thọ, được xem là vị tổ khai sáng Phật giáo Phát triển, đã trình bày rõ:

不 生亦不滅	Bất sinh diệt bất diệt
不 常亦不斷	Bất thường diệt bất đoạn
不 一亦不異	Bất nhất diệt bất dị
不 來亦不出	Bất lai diệt bất xuất (*)
能 說是因緣	Năng thuyết thị nhân duyên
善 滅諸戲論	Thiện diệt chư hí luận
我 稽首禮佛	Ngã khể thủ lễ Phật
諸 說中第一	Chư thuyết trung đệ nhất

Không sinh cũng không diệt

Không thường cũng không đoạn

Không một cũng không khác

Không đến cũng không đi

Hay thuyết Nhân Duyên ấy

Khéo diệt các hí luận

Con cúi đầu lễ Phật

Bậc nhất trong các thuyết.

2) Không tính (空性; S: Śūnyatā) - [Tính Không – Wikipedia tiếng Việt](#):

Đó là tính chất Không (= không thực) của vạn sự vạn vật. Vạn sự vạn vật đều do các Duyên hợp-tan, sinh-diệt, cho nên giác quan tuy thấy như có nhưng kỳ thực không thật là có, tức không trường tồn và bất biến.

- Trong bài kệ "Quán Tứ Đế - Phẩm 24" trong Trung Luận của ngài Long Thọ, đã chỉ ra mối tương quan nhất quán giữa nguyên lý Duyên khởi và các cách nhìn về Trung đạo và Không tánh (= tánh Không):

眾緣 緣 生 法	Chúng do Duyên sanh pháp
我 說 即 是 空	Ngã thuyết tức thị Không
亦 為 是 假 名	Diệc vi thị Giả danh
亦 是 中 道 義	Diệc thị Trung đạo nghĩa

*Các pháp từ nơi Duyên
Ta nói tức là Không
Cũng gọi là Giả danh
Cũng là nghĩa Trung đạo.*

- Trong kinh Tư Ích có chép:

*Các pháp từ Duyên sinh
Tự không có định tính
Biết được nhân duyên này
Đạt thuộc tính các pháp
Biết tướng thật các pháp
Thì biết được tướng Không
Nếu biết được tướng Không
Liền sẽ thấy được Phật.*

Do đó, Không tánh chỉ là cách diễn đạt khác của Duyên khởi tánh.

3) Phật tính (佛性; S: Buddhata, Buddha-svabhāva; E: Buddha-nature) - [Phật tính – Wikipedia tiếng Việt](#):

Phật tính là từ xuất hiện sớm nhất trong kinh Đại Bát Niết-bàn (经大般涅槃; P: Mahāparinibbāṇa Sutta) hay suy diễn từ [kinh Lượng Bộ – Wikipedia](#) (经量部; S: Sautrāntika), được ghi chép vào khoảng 150 tCN.

Phật tánh là từ ít được dùng trong Phật giáo Nam truyền, nhưng lại phổ biến trong Phật giáo Bắc truyền, lẫn lộn với một số từ khác, hoặc đánh đồng với nhau.

Phật tánh có thể định nghĩa là tính chất chân thật nơi tự thân của mọi sự vật, đó là:

- **Vô thường tính** – biểu thị cho hiện tượng biến đổi theo cấu trúc thời gian.
- **Vô ngã tính** – biểu thị cho bản chất duyên khởi theo cấu trúc không gian.

Đây là thực tính Duyên khởi, mà khi hành giả thực nhận ra, sẽ đồng với chư Phật là các bậc giác ngộ.

Duyên khởi tính = Không tính = Phật tính

Với:

Duyên khởi tánh = Vô thường tánh + Vô ngã tánh

Trong các kinh Trung Bộ I, số 28; Tương Ưng III, tr. 144 và Tiểu Bộ I, tr. 48 có chép: "Ai thấy Duyên khởi là thấy Pháp. Ai thấy Pháp là thấy Phật". Thấy Phật là thấy được sự giác ngộ tối thượng.

Do đó, Phật tánh cũng là cách diễn đạt khác của Duyên khởi tánh.

Chú thích:

Trong các kinh Trung Bộ I, số 28; Tương Ưng III, tr. 144 và Tiểu Bộ I, tr. 48 nói ghi:

"Ai thấy Duyên khởi là thấy Pháp. Ai thấy Pháp là thấy Phật", có nghĩa "Ai thấy Duyên khởi là thấy Chân lý (lẽ thật). Ai thấy Chân lý là bậc Giác ngộ-Giải thoát."

Trong nhiều bản dịch kinh Pali, đoạn kinh này được dịch "Ai thấy Duyên khởi là thấy Pháp. Ai thấy Pháp là thấy Duyên khởi", có nghĩa "Ai thấy Duyên khởi là thấy Chân lý. Ai thấy Chân lý là bậc đã thấy Duyên khởi".

Như vậy, dù có hai cách dịch nhưng cũng đồng một ý như nhau.



2. Tứ trọng ân.

Tứ trọng ân (四重恩; E: Four Great Debts): Bốn ơn lớn.

Trong các kinh Chính Pháp Niệm Xứ quyển 61 và kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán quyển 2, phẩm Báo ân, có nêu lên bốn ơn lớn mà người Phật tử cần ghi nhớ và trân trọng, đó là:

1) Ân Tam bảo: Đó là ân đối với Chánh tri kiến “Duyên khởi”, giúp hành giả đạt tới chân hạnh phúc cao thượng là giác ngộ-giải thoát.

2) Ân Tổ quốc: Đó là ân đối với đất nước và con người nơi hành giả sinh ra và trưởng thành.

3) Ân Cha mẹ: Đó là ân đối với hai bậc sinh thành và dưỡng nuôi hành giả.

4) Ân Thầy tổ: Đó là ân đối với những người dạy dỗ khai sáng trí tuệ cho hành giả.

Trong bốn ơn này thì ân Tam bảo thuộc phạm trù chân lý (khách quan), còn ba ơn còn lại thuộc phạm trù đạo đức. Trong đạo Phật, chân lý luôn là nền tảng của đạo đức. Thật vậy, theo Trung bộ Kinh II, kinh thứ 61 và 62 và Trung bộ Kinh III, kinh thứ 147, không luận về không gian và thời gian nào, tùy Duyên luôn là nền tảng của đạo đức nhà Phật, đạo đức này được xác lập theo nguyên tắc sau:

- Thiện: Bao gồm những hành động đem đến lợi ích cho mình và cho người (cộng đồng xã hội).

- Bất thiện: Bao gồm những hành động đem đến lợi mình-hại người hoặc lợi người-hại mình hoặc hại mình-hại người.

Dưới đây là một ít phân tích về ý nghĩa của ân.

1) Ân 恩 = Ơn: Là sự giúp đỡ, biểu hiện bằng sự tương tác giữa 2 đối tượng cho và nhận.

- **Thi ân 施恩:** Cho ơn.

- **Thụ ân 受恩:** Nhận ơn.

Người nhận ơn có các cách hồi đáp sau:

- **Tri ân 知恩:** Biết ơn người giúp đỡ bằng cách:

+ **Cảm ân 感恩**, đó là ghi nhớ trong lòng người giúp đỡ.

+ **Báo ân 報恩**, đó là đền đáp lại người giúp đỡ.

- **Vô ân 無恩 = Bạc ân 薄恩 = Phụ ân 負恩 = Vong ân 忘恩 = Bội ân 背恩:** Không tri ân người giúp đỡ.

2) Ân nghĩa 恩義 (với **nghĩa 義**: đúng lẽ phải, hợp đạo lý): Là sự giúp đỡ muôn loài sống tốt đẹp đúng với lẽ phải, hợp với đạo lý.

Ân nghĩa là một dạng tình cảm tốt đẹp gắn kết giữa người có hoàn cảnh tốt và người gặp hoàn cảnh xấu. Con người dù ở thời đại nào, nền văn hóa nào, bất luận Đông Tây hay Âu Á, cũng đều coi trọng ân nghĩa. Ngay cả một số loài vật có trí khôn cũng biết ơn khi ta làm điều tốt cho chúng.

Ân bất nghĩa là một dạng tình cảm nguy tạo tốt đẹp bên ngoài tựa như ân nghĩa, nhưng lại nhằm che dấu ý đồ không tốt bên trong của người giúp đỡ. Ví như người thi ân có ý lợi dụng người thụ ân, nhằm báo ân cho một sự việc riêng tư bất chính nào đó, thường được gọi là “mua chuộc”; điều này có thể thấy ở các tổ chức xã hội hay tổ chức chính trị bất chính.

Do đó, trước những tục ngữ thường gặp như “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” hay “Uống nước nhớ nguồn” ..., chúng ta cần thận trọng xem xét tính tích cực của ân nghĩa và tính tiêu cực của ân bất nghĩa nơi hoàn cảnh.

Như thế, Tứ trọng ân là những chân giá trị mà chúng ta đã có thể thấy rõ rồi vậy.



3. Tam quy – Ngũ giới nơi người Phật tử.

Theo nguyên tắc, để gọi là Phật tử (= người theo đạo Phật) trước tiên là người này nhận thực hành **Tam quy** (= quy y Tam Bảo) và **Ngũ giới**. Trong nghi lễ hàng ngày, người Phật tử xưng tụng Tam Bảo – Ngũ giới để luôn được Chánh niệm về 2 điều lành này.

Về nghĩa hẹp qua ngôn ngữ thông thường, thì những ai đã biết chút ít về đạo Phật cũng có thể hiểu 2 điều lành này.

Về ý nghĩa rộng bao quát thì có thể hiểu như sau:

1) Tam Bảo thuộc phạm trù Chân lý, là chân lý chi phối cả vũ trụ vạn vật, là nhận thức thuộc nội tâm của hành giả về chân lý, đó là Chân lý Duyên khởi mà những ai hiểu và vận dụng tốt chân lý này, sẽ giúp người đó tháo gỡ được các bế tắc về nội tâm và ngoại cảnh, đem lại hạnh phúc cho chính mình trong cuộc sống. Quy y Tam Bảo là từ gốc Hán (皈依三寶) tương đương với nghĩa tiếng Việt là nương tựa Phật Pháp Tăng, tức nương tựa Chân lý Duyên khởi như kệ nhật tụng ở các chùa Phật như sau:

Buddham saranam gacchāmi.

Dhammam saranam gacchāmi.

Sangham saranam gacchāmi.

Con đem hết lòng thành kính quy y Phật.

Con đem hết lòng thành kính quy y Pháp.

Con đem hết lòng thành kính quy y Tăng.

2) Ngũ giới thuộc phạm trù Đạo đức, là thuật xử thế của hành giả đối với môi trường bên ngoài. Đạo đức này là nguyên tắc xử thế dựa trên nguyên lý Duyên khởi, cho nên Ngũ giới cơ bản này không là những tín điều máy móc như các điều răn cấm ở các tôn giáo khác.

Tóm lại, Tam Bảo và Ngũ giới là Chân lý khách quan và Đạo đức linh hoạt của đạo Phật mà người Phật tử cần nương vào đó thực hành, để tự tạo cho chính mình đời sống hạnh phúc và an lạc.

Thông thường có những lời cầu chúc “**Hồng ân Tam Bảo**” (ân lớn của Tam Bảo) gia hộ, nhưng cần hiểu là Tam Bảo không **ban ơn** hay **cứu độ** cho ai hết như Thượng Đế ở các tôn giáo khác, mà là nỗ lực của tự thân sống tốt theo chân lý và đạo đức này để tự nhiên có được hạnh phúc đúng theo luật Nhân Quả.

Trên thực tế, được bao nhiêu người cầu xin Tam Bảo hay Thượng Đế có được hiệu quả? Thiết nghĩ người cầu xin **được hiệu quả** hay **không được hiệu quả** đều do Nhân Quả báo ứng một cách công bình khách quan đối với người đó.

Xem thêm:

- [Trung Tâm Hộ Tông - Tam Bảo](#)
- [Nhan Thuc the nao la Tam Bao - Cu Si](#)
- [Đến chùa cần biết Ý nghĩa Tam Bảo Phật](#)
- [Quy Y Tam Bảo](#)
- [Phật học phổ thông: khóa 1 – Bài Thứ 4 - Quy Y Tam Bảo](#)

VIDEO

- [CÚNG DƯỜNG TAM BẢO](#)
- [Cúng Dường Tam Bảo HT. Thích Giác Hạnh](#)
- [Sư Thù Thắng Của Tam Bảo - Thích Giác Hạnh](#)
- [Tam Bảo Trong Đời Thường - Thầy Thích Pháp Hòa](#)
- [Ngôi TAM BẢO quan trọng như thế nào? - Thích Pháp Hòa](#)

- [Quy Y Tam Bảo - Thầy Thích Pháp Hòa - Thiền Đường Mây Từ](#)

- [Nghi thức Quy y Tam Bảo - TT. Thích Chân Quang](#)

- [CD TAM QUY Y - Hiền Tịnh -2020](#)



Hoan nghênh các bạn góp ý trao đổi!
